

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

(1 tiết)

I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mở rộng vốn từ : Sáng tạo.
2. Ôn luyện về dấu phẩy (đứng sau bộ phận trạng ngữ chỉ địa điểm), dấu chấm, dấu chấm hỏi.

II - ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- 1 tờ phiếu khổ to kẻ bảng ghi lời giải của BT1 (xem mẫu ở phần lời giải BT1) ; 6, 7 tờ giấy trắng khổ A4 để các nhóm viết bài.
- 2 băng giấy viết 4 câu văn ở BT2.
- 2 băng giấy viết nội dung truyện vui *Điện* (BT3).

III - CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

A - KIỂM TRA BÀI CŨ

GV kiểm tra 2 HS : 1 em làm BT2, em kia làm BT3, tiết LTVC tuần 20. (Có thể ra những bài tập nội dung tương tự để kiểm tra HS.)

B - DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

Trong tiết học hôm nay các em sẽ học mở rộng vốn từ gắn với chủ điểm *Sáng tạo*, sau đó sẽ làm bài tập ôn luyện cách sử dụng các dấu câu : dấu phẩy, dấu chấm, dấu chấm hỏi.

2. Hướng dẫn HS làm bài tập

a) Bài tập 1

- HS đọc yêu cầu của bài.
- GV nhắc HS : dựa vào những bài tập đọc và chính tả đã học và sẽ học ở các tuần 21, 22 để tìm những từ ngữ chỉ trí thức và hoạt động của trí thức.
- GV phát giấy cho từng nhóm HS. Các em mở SGK, lần theo tên từng bài tập đọc và nội dung các bài chính tả (tuần 21, 22) để làm bài. (VD : Với bài *Ông tổ nghề thêu*, HS tìm được từ *tiến sĩ, đọc sách, học, mày mò quan sát, nhớ nhập tâm*. Với bài chính tả Lê Quý Đôn – có các từ ngữ : *tiến sĩ, nhà bác học, viết, sáng tác*. Với các bài tiếp theo : *Bàn tay cô giáo, Người trí thức yêu nước, Nhà bác học và bà cụ, Cái cầu, Chiếc máy bơm, Một nhà thông thái...* HS sẽ tìm được các từ ngữ khác).
- Đại diện mỗi nhóm dán nhanh bài làm lên bảng lớp, đọc kết quả.
- Cả lớp và GV nhận xét, bình chọn nhóm thắng cuộc (nhóm tìm được đúng, nhanh, nhiều từ ngữ).
- GV treo lên bảng lời giải đã viết sẵn (hoặc viết nhanh vào bảng các từ ngữ đúng HS tìm được).
- Cả lớp làm bài vào vở (hoặc VBT) theo lời giải đúng :

Chỉ trí thức	Chỉ hoạt động của trí thức
nhà bác học, nhà thông thái, nhà nghiên cứu, tiến sĩ	nghiên cứu khoa học
nhà phát minh, kĩ sư	nghiên cứu khoa học, phát minh, chế tạo máy móc, thiết kế nhà cửa, cầu cống,...
bác sĩ, dược sĩ	chữa bệnh, chế thuốc chữa bệnh
thầy giáo, cô giáo	dạy học
nhà văn, nhà thơ	sáng tác

b) Bài tập 2

- Một HS đọc yêu cầu và 4 câu văn còn thiếu dấu phẩy.
- Cả lớp đọc thầm, làm bài cá nhân.
- GV dán lên bảng lớp 2 băng giấy đã viết 4 câu văn, mời 2 HS lên bảng làm bài. Sau đó đọc lại 4 câu văn, ngắt nghỉ hơi rõ.
- Cả lớp sửa bài làm trong vở (hoặc VBT) :
- Câu a : Ở nhà , em thường giúp bà khâu kim.
- Câu b : Trong lớp , Liên luôn chăm chú nghe giảng.
- Câu c : Hai bên bờ sông , những bãi ngô bắt đầu xanh tốt.
- Câu d : Trên cánh rừng mới trồng , chim chóc lại bay về ríu rít.

c) Bài tập 3

- HS đọc yêu cầu của bài và truyện vui *Điện*. GV giải nghĩa thêm từ *phát minh* : tìm ra những điều mới, làm ra những vật mới có ý nghĩa lớn đối với cuộc sống.
- Một HS giải thích yêu cầu của bài. (Trong truyện vui *Điện*, bạn Hoa điền toàn dấu chấm vào ô trống trong truyện. Chúng em phải kiểm tra xem bạn dùng dấu chấm nào đúng, dấu chấm nào sai, giúp bạn sửa lại những chỗ sai.)
- Cả lớp đọc thầm lại truyện vui, làm bài cá nhân.
- GV dán hai băng giấy lên bảng lớp. Mời 2 HS lên bảng thi sửa nhanh bài viết của bạn Hoa. Sau đó đọc kết quả.
- Cả lớp và GV nhận xét. GV phân tích bài làm của HS, chốt lại lời giải đúng.
- Hai, ba HS đọc truyện vui sau khi đã sửa đúng dấu câu.
- Cuối cùng, GV hỏi : *Truyện này gây cười ở chỗ nào ?* (Tính hài hước của truyện là ở câu trả lời của người anh. Loài người làm ra điện trước, sau mới phát minh ra

vô tuyến. Phải có điện thì vô tuyến mới hoạt động. Nhưng anh lại nói nhầm : Không có điện thì anh em mình phải “thấp đèn dầu để xem vô tuyến”. Không có điện thì làm gì có vô tuyến !

- Cả lớp làm bài vào vở (hoặc VBT) :
- *Anh ơi, người ta làm ra điện để làm gì ?*
- *Điện quan trọng lắm em ạ, vì nếu đến bây giờ vẫn chưa phát minh ra điện thì anh em mình phải thấp đèn dầu để xem vô tuyến.*

3. Củng cố, dặn dò

GV dặn HS về nhà kiểm tra lại các bài tập đã làm ở lớp. Ghi nhớ và kể lại truyện vui “Điện” cho bạn bè, người thân nghe.